

Số: 311/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 04 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 376/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Bùi Vũ Tài M**, sinh ngày 06/5/1981; căn cước số 074081007492; địa chỉ tạm trú: **Lô O đường A khu đô thị M city, phường A, thành phố H.**

2. Chị **Tạ Thùy D**, sinh ngày 30/8/1981; căn cước số 037181000102; địa chỉ tạm trú: **Lô O đường A khu đô thị M city, phường A, thành phố H.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình)** vào ngày 27/10/2006. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh **Bùi Vũ Tài M**, chị **Tạ Thùy D** xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** xác nhận có 03 con chung tên là **Bùi Cao Hoàng N**, sinh ngày 10/3/2007; **Bùi Chí C**, sinh ngày

14/12/2012 và **Bùi Chí K**, sinh ngày 14/12/2012. Hiện các cháu **Bùi Chí C** và cháu **Bùi Chí K** đang ở với chị **Tạ Thùy D** và có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị **Tạ Thùy D**. Anh, chị thỏa thuận giao các cháu **Bùi Chí C** và cháu **Bùi Chí K** cho chị **Tạ Thùy D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Cháu **Bùi Cao Hoàng N** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con. Anh **Bùi Vũ Tài M**, chị **Tạ Thùy D** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của anh, chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Bùi Vũ Tài M**, chị **Tạ Thùy D** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 5 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D**.

- Về con chung: Giao các cháu **Bùi Chí C**, sinh ngày 14/12/2012 và **Bùi Chí K**, sinh ngày 14/12/2012 cho chị **Tạ Thùy D** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Bùi Vũ Tài M** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **Bùi Cao Hoàng N**, sinh ngày 10/3/2007 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh **Bùi Vũ Tài M** và chị **Tạ Thùy D** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001731 ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự **thành phố H.**

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
(Anh Minh, chỉ Dương ĐKKH số 20, ngày 27/10/2006
tại UBND xã Ninh Mỹ - cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình